

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa;
2. Ông Bành Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát Viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16-7-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp L, xã N, Huyện D, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Kh, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp L, xã N, Huyện D, tỉnh T.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-3-2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày: Chị và anh Phạm Văn Kh tự nguyện chung sống vào năm 2005 tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau ngày cưới anh Kh về sống bên gia đình chị tại ấp L, chị không làm dâu. Vợ chồng sống không hạnh phúc, lý do anh Kh không lo làm ăn thường xuyên đánh bài. Năm 2012, chị nộp đơn xin ly hôn và vợ chồng thuận tình ly hôn theo Quyết định số 237/2012/QĐST – HNGĐ ngày 01-11-2012, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân Huyện D. Sau khi ly hôn, anh Kh năn nỉ cho cơ hội sửa chữa, vì thương con nên chị đồng ý.

Ngày 13-7-2017, chị và anh Kh đi đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau đó, anh Kh về sống chung với mẹ con chị tại ấp L. Anh Kh vẫn không sửa chữa, đánh bài, cá độ bóng đá. Năm 2019, anh Kh cá độ bóng đá bị Tòa án

nhân dân Huyện D xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc theo Bản án số 18/2019/HS – ST ngày 14-5-2019. Sau đó, anh Kh vẫn không sửa chữa tiếp tục đánh bài gây nợ, nhiều người đến nhà chị đòi nợ, chị có khuyên anh Kh nhiều lần nhưng không nghe, tháng 01-2021 anh Kh bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp L sống đến nay.

Vợ chồng ly thân từ tháng 01-2021 đến nay. Quá trình ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ.

Về hôn nhân: Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Chị Th xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh Kh.

Về con chung : Có 01 con chung tên Phạm Thị T, sinh năm : 2006 đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con vì chị Th đủ điều kiện nuôi con đến trưởng thành tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân: Chị Th đồng ý chịu theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án cũng như tại Tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Kh.

2. Về con chung: Giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị T, sinh năm : 2006

Ghi nhận: Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn Phạm Văn Kh theo đúng quy định pháp luật nhưng đến giờ này anh Kh vẫn vắng mặt, xem như anh Kh từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử

vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị Th, xét lời trình bày của chị Th xác định chị và anh Kh tự nguyện chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, Huyện D C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13- 7-2017 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, chị Th giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Kh. Xét thấy: Chị Th và anh Kh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017. Quá trình chung sống, chị Th nhận thấy anh Kh không quan tâm gia đình, thường xuyên đánh bài ăn thua bằng tiền, chị khuyên anh Kh không nghe. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân đã lâu không còn tình cảm.

Qua làm việc gia đình anh Kh, việc chị Th và anh Kh có mâu thuẫn hay không thì không biết. Anh Kh bận đi làm không đến Tòa án làm việc, Tòa án xem xét xử theo luật.

Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ.

[4] Về con chung: Hai anh chị có 01 con, chị Th yêu cầu nuôi con. Xét thấy từ khi ly thân chị Th trực tiếp nuôi cháu T, cháu vẫn khỏe mạnh vẫn phát triển bình thường. Mặc khác, quá trình làm việc nguyện vọng của cháu T xin sống với chị Th. Do đó, giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu T theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, chị Th không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[6] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Kh; giao con tên T cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên ghi nhận. Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, khoản 3 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Kh.

Chị Th và anh Kh không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng con tên Phạm Thị T, sinh năm: 2006.

Ghi nhận: Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Kh có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Kh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0012235 ngày 05-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Th có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Kh vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Hiền